



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, ĐHQG-HCM  
ĐỀ THI CUỐI KỲ

Học kỳ 2 – Năm học 2017-2018

MÃ LƯU TRỮ  
(bên phòng KT-ĐBCL g/ty)

CK17182-  
BIO000002

Tên học phần: Sinh đại cương 2

Mã HP: BIO000002

Thời gian làm bài: 60 phút

Ngày thi: 20-06-2018

Ghi chú: Sinh viên [ ☐ được phép / ☒ không được phép] sử dụng tài liệu khi làm bài.

ĐỀ THI TRẮC NGHIỆM, gồm 50 câu

Mã đề thi: 359

Họ tên sinh viên: ..... MSSV: ..... STT: .....

Câu 1: Huyết thanh (serum):

- A. Là dịch lỏng của máu có chứa fibrin. B. Luôn được bảo quản ở 37°C.  
C. Chưa các protein. D. Được thu nhận sau khi ly tâm.

Câu 2: Tế bào gốc phôi người đã được thu nhận từ:

- A. Công nghệ nhân bản. B. Năm 1999.  
C. Phôi nang. D. Dây rốn.

Câu 3: Muốn tạo trái không hạt người ta thường dùng:

- A. Gibberelin. B. Acid Absciscic. C. Auxin. D. Ethylen.

Câu 4: Giới tính của người được tác động bởi các hormon:

- A. Adrenalin và Acetylcholin. B. Testosteron và Acetylcholin.  
C. Estrogen và Testosteron. D. Estrogen và Adrenalin.

Câu 5: Tim một đừ kiện có thể là sai:

- A. Hormon Acetylcholin được khuếch tán qua khe synap.  
B. Các synap thần kinh cho phép xung thần kinh qua lại.  
C. Bệnh Alzheimer có thể gây mất trí nhớ dài hạn.  
D. Mô thần kinh có 2 nhóm tế bào: neuron và các tế bào đệm.

Câu 6: Trình tự phát triển của tế bào trứng:

- A. Noãn bào thứ cấp - noãn bào sơ cấp - noãn nguyên bào.  
B. Noãn nguyên bào - noãn bào sơ cấp - trứng trưởng thành.  
C. Noãn bào sơ cấp - noãn nguyên bào - noãn bào thứ cấp.  
D. Noãn nguyên bào - noãn bào sơ cấp - noãn bào thứ cấp.

Câu 7: Tim trình tự đúng:

- A. Tinh bào sơ cấp - tinh tử - tinh nguyên bào. B. Tinh nguyên bào - tinh bào sơ cấp - tinh tử.  
C. Tinh bào sơ cấp - tinh nguyên bào - tinh tử. D. Tinh tử - tinh nguyên bào - tinh bào sơ cấp.

Câu 8: Khái niệm "mùa mưa" và "mùa khô" theo Gaussen được xác định:

- A. Theo độ ẩm H (%) và nhiệt độ T (°C).  
B. Theo lượng mưa P (mm) và lượng bốc hơi E (mm).  
C. Với giá trị tương quan P và T, trong đó mùa mưa khi P>T.  
D. A, B, C đều sai.



Câu 9: Thuật ngữ Sinh thái học (Ecology) chỉ ngành học:

- A. Nghiên cứu các sự tương tác giữa sinh vật và môi trường ở cấp độ tế bào.
- B. Là thuật ngữ được sử dụng đầu tiên bởi Tansley.
- ☒ C. Nghiên cứu cấu trúc và chức năng của tự nhiên.
- D. A, B, C đều đúng.

Câu 10: Quá trình phân giải trong hệ sinh thái:

- A. Được thực hiện trên các vật liệu hữu cơ dưới dạng chất thải ra ngoài môi trường.
- B. Tạo ra năng suất sơ cấp trong hệ sinh thái.
- C. Do nhóm vi sinh vật quang dưỡng thực hiện.
- ☒ D. Là quá trình chuyển hoá các hợp chất hữu cơ thông qua hoạt động biến dưỡng của các loài sinh vật dị dưỡng.

Câu 11: Sự dẫn truyền xung thần kinh:

- A. Chủ yếu trên vỏ não.
- ☒ B. Phụ thuộc khe synap.
- C. Chỉ diễn ra trong tủy sống.
- D. Nhờ các tế bào thần kinh đệm.

Câu 12: Tiêu cầu:

- A. Có kích thước lớn nhất trong các tế bào máu ngoại vi.
- B. Có thể sản xuất protein kháng thể.
- ☒ C. Có chức năng vá mạch.
- D. Chỉ tồn tại ở tĩnh mạch.

Câu 13: Hột là kết quả của sự:

- A. Thụ phấn.
- B. phát triển của noãn.
- C. Thụ tinh.
- ☒ D. A, B, C đều đúng.

Câu 14: Lưỡi:

- A. Có thể cảm nhận được mùi.
- B. Có sự phân bố đồng đều các chồi vị giác (Taste buds).
- ☒ C. Chứa các neuron cảm giác.
- D. Có nguồn gốc hình thành từ mô cơ.

Câu 15: Dối với các hệ sinh thái trên cạn vùng Ninh Thuận, yếu tố giới hạn quan trọng:

- ☒ A. Lượng mưa.
- B. Hàm lượng dinh dưỡng.
- C. Hàm lượng khí  $O_2$ ,  $CO_2$ .
- D. Chế độ nhiệt.

Câu 16: Trong hệ sinh thái rừng, độ ẩm không khí có ảnh hưởng quan trọng đối với nhóm:

- A. Cây gỗ.
- ☒ B. Thực vật ký sinh.
- C. Dây leo.
- D. Thực vật phụ sinh.

Câu 17: Xương sống được cấu tạo từ:

- ☒ A. 33 xương.
- B. 13 xương.
- C. 43 xương.
- D. 23 xương.

Câu 18: Nhóm động vật trong hệ sinh thái:

- A. Là thành phần sinh vật quyết định sự hình thành và tồn tại của hệ sinh thái.
- ☒ B. Có chức năng quan trọng trong cơ chế cân bằng của hệ sinh thái.
- C. Tham gia trực tiếp vào quá trình phân giải.
- D. Tổng hợp chất hữu cơ, dự trữ và cung cấp chất hữu cơ cho các thành viên sinh vật khác.



Câu 19: Mô sụn:

- A. Có mặt ở tất cả các xương.
- B. Không chứa ion canxi và phân tử collagen.
- C. Là mô liên kết chính thức.
- ☒ D. Yếu tố nền của mô chứa nhiều chất cartilagein.

Câu 20: Gan:

- ☒ A. Liên quan tới chứng vàng da ở người.
- B. Sẽ bị ung thư ở người uống rượu bia.
- C. Giúp cơ thể tạo sắc tố da.
- D. Có khả năng tái sinh.

Câu 21: Cấu trúc màng tế bào người:

- A. Ổn định, không thay đổi suốt cuộc đời của cơ thể.
- ☒ B. Có nhiều phân tử cholesterol khảm màng.
- C. Có khảm các phân tử kháng nguyên nhóm máu.
- D. Có khảm các phân tử collagen.

Câu 22: Có nhiều ý kiến chống lại công nghệ thụ tinh trong ống nghiệm:

- A. Bơi không thể không kiểm soát được sự cân bằng giới tính.
- B. Bơi lo ngại có thiết kế gen, tạo sự ưu sinh.
- C. Bơi cho rằng đó là sự sinh sản "không tự nhiên".
- ☒ D. A, B, C đều đúng.

Câu 23: Trong 1 hệ sinh thái tự nhiên, với sự hiện diện đầy đủ các thành phần sinh vật, để hệ thống này duy trì sự sống liên tục của mình cần phải có:

- A. Nguồn năng lượng được cung cấp liên tục từ bên ngoài hệ thống.
- B. Nguồn vật chất được cung cấp liên tục từ bên ngoài hệ thống.
- C. Bao gồm cả 2 yếu tố a và b.
- ☒ D. A, B, C đều sai.

Câu 24: Sự xâm nhập của carbon vô cơ vào hệ sinh thái:

- A. Nhờ vào sự chuyển hóa của nhóm vi sinh vật cố định đạm.
- B. Được đánh giá thông qua năng suất sơ cấp của hệ sinh thái.
- C. Qua cơ chế của tiến trình phân giải trong hệ sinh thái.
- D. Qua hoạt động tổng hợp của các loài động vật.

Câu 25: Nhịp tim của mỗi người:

- A. Giúp xác định lưu lượng máu qua tim.
- ☒ B. Được xác định vào tuần thứ 13-16 của thai.
- C. Không thay đổi theo tuổi đời.
- D. Có cùng tần số với nhịp thở của phổi.

Câu 26: Cấu tạo tế bào thực vật khác tế bào động vật ở điểm:

- A. Có vách, ti thể, diệp lục.
- B. Có diệp lục, màng tế bào, không bào.
- C. Có vách, không bào, nhân.
- ☒ D. Có không bào, lục thể, vách.



Câu 27: Sự cân bằng của chu trình Carbon:

A. Không làm thay đổi hàm lượng  $\text{CO}_2$  của khí quyển, chịu ảnh hưởng của quá trình sản xuất và phân giải.

☒ B. Có ảnh hưởng đến hàm lượng khí  $\text{CO}_2$  của khí quyển do sự hòa tan, khuếch tán khí  $\text{CO}_2$  từ khí quyển vào thủy quyển.

C. Chịu sự tác động của con người do việc lạm thác động vật hoang dã.

D. Bao gồm tất cả các yếu tố trên.

Câu 28: Trong các kiểu thụ phấn dưới đây, kiểu nào cho hiệu quả cao nhất:

A. nhờ động vật.

☒ B. nhờ côn trùng.

C. nhờ con người.

D. nhờ gió.

Câu 29: Hiệu ứng nhà kính

A. Chịu ảnh hưởng của các phân tử khí: hơi nước,  $\text{CO}_2$ .

B. Là hậu quả của quá trình ô nhiễm không khí làm nhiệt độ không khí ẩm lên.

C. Xảy ra do sự phá hủy tầng ozôn.

☒ D. A, B, C đều đúng.

Câu 30: Tai ngoài và tai trong:

A. Phát triển ở tháng thứ 2 của thai kỳ.

☒ B. Được ngăn cách bởi màng nhĩ.

C. Là hai cấu trúc phụ của tai giữa.

D. Được ngăn cách bởi xương bàn đạp.

Câu 31: Muốn biết một cây trưởng thành là loài một lá mầm (đơn tử diệp) Người ta căn cứ vào số cánh hoa trên Hoa:

☒ A. chưa đủ yếu tố để biết.

B. Có 5 (vã bội số).

☒ C. Có 3 (vã bội số).

D. Có 4 (vã bội số).

Câu 32: Gout là một bệnh của xương khớp, có nguyên nhân:

☒ A. Liên quan tới acid uric tại khớp.

B. Do nhiều lần bị tai nạn bong gân.

☒ C. Thiếu canxi, làm xương bị loãng, yếu.

D. Tồn thương màng bao hoạt dịch.

Câu 33: Bốn đặc trưng cơ bản của thể sống là:

☒ A. Trao đổi chất và năng lượng, sinh sản, sinh trưởng và phát triển, cảm ứng & vận động.

☒ B. Trao đổi, sinh sản, cảm ứng, sinh trưởng và phát triển.

☒ C. Trao đổi, sinh sản, phát triển, vận động.

☒ D. Trao đổi năng lượng, sinh sản, sinh trưởng, phát triển.

Câu 34: Biến độ sinh thái:

☒ A. Là khoảng giới hạn của một yếu tố sinh thái mà ở đó loài sinh vật đạt cường độ hoạt động tối nhất.

☒ B. Là ngưỡng có cường độ thấp nhất của một yếu tố sinh thái mà một loài sinh vật có thể tồn tại.

☒ C. Của các cá thể cùng loài có giá trị giống như nhau.

☒ D. A, B, C đều đúng.

Câu 35: Ở Việt Nam:

☒ A. Được phép biến đổi gen ở phôi thai và tế sơ sinh.

☒ B. Luật pháp cho phép nghiên cứu và ứng dụng tế bào gốc.

☒ C. Không được phép mang thai hộ.

☒ D. Có thể ứng dụng công nghệ tế bào gốc với sự kiểm soát.



Câu 36: Phospho tham gia chu trình vật chất, sau đó:

☒ A. Một phần được thu hồi qua phân chim và cá khai thác được ở đại dương, phần lớn bị thất thoát, không quay lại chu trình

B. Tất cả đều lắng đọng xuống đáy biển sâu, ít khi trở lại chu trình

C. Tích tụ chủ yếu trong cơ thể sinh vật không quay lại chu trình

D. Tất cả quay lại chu trình

Câu 37: Virus chưa phải là một vật thể sống thực sự, vì sao?

A. Đúng, vì nó phải sống nhờ vào ký chủ.

B. Sai, vì nó có các đặc trưng của một cơ thể sống.

C. Sai, vì nó có thể sinh sản và gây bệnh cho động vật và thực vật.

☒ D. Đúng, vì nó không thể sinh sản tự do được.

Câu 38: Khi nói đến sinh vật người ta chú ý ngay đến Nước, còn khi nói đến Thực vật người ta lại nghĩ đến:

A. nhiệt độ.

☒ B. ánh sáng.

C. chất khoáng.

D. không khí.

Câu 39: Cơ thể của người có:

A. 260 khớp.

B. 160 khớp.

C. 60 khớp.

☒ D. 360 khớp.

Câu 40: Thận:

A. Là cơ quan sản xuất hormon Adrenalin.

B. Có chức năng chính là đào thải đường glucose.

☒ C. Là cơ quan có thể tái hấp thu một số chất đạm.

D. Có cấu trúc đôi, gồm quả thận và tuyến thượng thận.

Câu 41: Nhóm vi sinh vật quang dưỡng trong hệ sinh thái:

A. Là thành phần chủ yếu do chức năng phân giải vật chất hữu cơ.

B. Là thành phần chủ yếu tạo ra năng suất sinh học ở các hệ sinh thái trên cạn.

C. Có thể quang hợp mà không cần nguồn năng lượng ánh sáng.

☒ D. Có ý nghĩa quan trọng vì có thể đảm bảo chức năng sản xuất cho hệ sinh thái ở những môi trường thực vật xanh không thể tồn tại.

Câu 42: Năng suất sơ cấp của hệ sinh thái:

A. Là nguồn vật chất cung cấp trực tiếp cho quá trình phân giải.

☒ B. Thể hiện qua sự gia tăng sinh khối theo thời gian của nhóm sinh vật sản xuất.

C. Là lượng chất hữu cơ được tích lũy ở nhóm sinh vật dị dưỡng.

D. Được tạo ra do quá trình quang hợp.

Câu 43: Vách tế bào TV được cấu tạo chủ yếu bởi:

A. Pectic và Cellulose.

☒ B. Peptid và Cellulose.

C. Cellulose và Hemicellulose.

D. A, B, C đều đúng

Câu 44: Sự sinh trưởng và phát triển của sinh vật do yếu tố nào quyết định?

A. Khí hậu.

☒ B. các hormon.

C. di truyền.

D. thức ăn.



Câu 45: Tuổi của phôi thai được tính:

- ☒ A. Khi có tái tổ hợp gen giữa trứng và tinh trùng.    B. Khi tinh trùng xâm nhập vào trứng.  
C. Bắt đầu từ giai đoạn phôi nang.    D. Bắt đầu từ giai đoạn phôi dâu.

Câu 46: Tổ tiên của thực vật xuất phát từ:

- A. Bacteria.    B. Nấm.    C. Tảo cổ.    D. Protista.

Câu 47: Chiếm khối lượng lớn nhất trong cơ thể:

- ☒ A. Là mô liên kết.    B. Là mô máu.    C. Là mô cơ.    D. Là mô biểu bì.

Câu 48: Quá trình sản xuất của hệ sinh thái

- A. Tạo ra năng suất sơ cấp bằng quá trình chuyển hóa các hợp chất hữu cơ.  
B. Được thực hiện thông qua hoạt động của các nhóm thực vật, động vật và vi sinh vật.  
C. Sử dụng nguồn nguyên liệu chủ yếu là các dưỡng chất vô cơ.  
☒ D. Bao gồm các nội dung A, B, C.

Câu 49: Mục đích của hỗ trợ sinh sản:

- A. Chỉ dành cho nam giới.    B. Chỉ dành cho nữ giới.  
C. Tạo thai ngoài tử cung.    ☒ D. Tạo phôi ngoài tử cung.

Câu 50: Nhóm sinh vật sản xuất trong hệ sinh thái:

- A. Có chức năng chuyển hóa các hợp chất hữu cơ.  
B. Là thành phần chủ yếu của hệ sinh thái.  
C. Thuộc nhóm sinh vật dị dưỡng.  
☒ D. A, B, C đều đúng.

----- HẾT -----